TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HN** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày: 27-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Pham Thiện Bửu;

2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Kim Lài- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2018/TLST-HS, ngày 02 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn T (tên gọi khác: T Bùa); Sinh ngày: 17/3/1995, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm 1, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Làm thuê ; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: N; Con ông Phạm Văn M, sinh năm 1962 và bà Hồ Thị Kha L, sinh năm 1962 (đã chết); Anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Không; Đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 4 năm 2018 đến nay tại khóm 1, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Đỗ Minh Th, sinh năm 1976 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm Cả Gốc, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Lâm Thanh D (tên gọi khác: Tèo), sinh năm 1982 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm Cả Gốc, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Võ Thị Kim P, sinh năm 1981 (vắng mặt);

2. Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1981 (vắng mặt);

3. Nguyễn Thị D, sinh năm 1961 (vắng mặt);

4. Đỗ NH, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của Đỗ NH là Đỗ MinhT (cha ruột), sinh năm 1976 (có mặt);

5. Phạm Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt);

6. Nguyễn Văn G, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Khóm Cả Gốc, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn VS, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 1, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp

8. Nguyễn Thị TE (tên gọi khác: Tư Lùn), sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp An Lợi, xã AB A, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 11/01/2018, Đỗ MinhT sau khi đứng nói chuyện với Nguyễn Hoàng N (Hắc N) trước cửa nhà của T tại khóm Cả Gốc, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp và nói xongT đi vào nhà. Lúc này Phạm Văn T, trên tay trái cầm 01 con dao bằng kim loại có lưỡi sắc bén (loại dao yếm) đi đến chửi và hỏi anhT vì sao lại chửi mẹ nuôi của T là chị Nguyễn Thị TE, anh T trả lời là không có chửi thì lập tức bị T dùng dao đang cầm trên tay trái chémT 01 cái trúng vào khuỷu tay phải của anhT gây thương tích rồi T đi đến khu vực ruộng lúa tại khóm Cả Gốc, phường AT, thị xã HN ném bỏ con dao.

Th được gia đình đưa đến Bệnh viện Đa khoa khu vực HN cấp cứu và tiếp tục chuyển đến Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp điều trị đến ngày 17/01/2018 thì xuất viện, ngày 25/02/2018T có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với T. Sau khi dùng dao chém anh T gây thương tích, T bỏ trốn đến thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21/02/2018 T đến Cơ quan điều tra Công an thị xã HN đầu thú về hành vi dùng dao gây thương tích cho anhT như trên.

* Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 69/TgT, ngày 08/3/2018 của Trung T Pháp y thuộc Sở Y tế Đồng Tháp, kết luận thương tích của Đỗ MinhT như sau: "*Sẹo vết thương phần mềm khuỷu tay phải gây gãy mõm khuỷu*

đầu dưới xương cánh tay phải đã kết hợp xương. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ĐỗMinhT do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là **09%.** (Chín phần trăm). Tổn thương trên do vật có cạnh sắc bén gây ra".

* *Về vật chứng*: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã HN đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

* *Về dân sự*: Trong quá trình điều tra, bị hại ĐỗMinhT yêu cầu Phạm Văn T bồi thường tiền tổn thất tinh thần, tiền ngày công lao động và các khoản chi phí điều trị bệnh với số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nhưng Phạm Văn T không thống nhất bồi thường. Sau khi T gây thương tích cho T, anh Lâm Thanh D (nơi T làm thuê) đã cho T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để bồi thường cho bị hại T khi nhập viện điều trị.

Quá trình điều tra, bị hạiT cho rằng hành vi gây thương tích của T có liên quan đến bà TE. Tuy nhiên qua kết quả điều tra không có cơ sở xác định chị TE liên quan đến việc T gây thương tích nên không xem xét đến trách nhiệm hình sự hay dân sự đối với chị TE.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo T đã thừa nhận hành vi dùng dao gây thương tích cho anhT, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu và chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKS-HS, ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi dùng dao gây thương tích cho anh T, nhưng bị cáo cho rằng do bị anhT dùng cây đánh bị cáo trước nên bị cáo mới chém anhT.

Tại phiên tòa, bị hạiT khai rằng anh không có đánh bị cáo trước, khi T đến nhà hỏi anh vì sao chửi chị TE, anh vừa trả lời không có chửi thì bị T dùng dao chém gây thương tích, nay anh yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định pháp luật. Về dân sự, anhT yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, gồm các khoản:

+Tiền thuốc điều trị thương tích theo toa vé: 4.537.000 đồng;

+ Tiền thu nhập lao động thực tế bị mất: 6 tháng (180 ngày), mỗi ngày là 400.000đồng = 72.000.000 đồng;

+ Tiền tổn thất về tinh thần: 20.000.000 đồng;

Tổng cộng các khoản là 96.537.000 đồng và đồng ý trừ lại 2.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường, còn lại 94.537.000 đồng.

Bị cáo T chỉ đồng ý bồi thường thiệt hại sức khỏe cho anhT tổng cộng các khoản là 30.000.000 đồng, trừ đi số tiền 2.000.0000 đồng mà bị cáo đã bồi thường, bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho anhT số tiền là 28.000.000 đồng.

Đối với phần tiền 2.000.000 đồng mà anh D cho bị cáo trước đây để bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa anh D đồng ý cho bị cáo, không yêu cầu trả lại.

Tại phiên toà Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T về tội: "Cố ý gây thương tích". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T bồi thường cho bị hạiT theo quy định pháp luật.

- Về vật chứng vụ án: Do không thu hồi được nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Bị cáo Phạm Văn T thống nhất với nội D luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo T khai rằng: Do bị hại dùng cây đánh bị cáo trước nên bị cáo mới chém anhT, nhưng anhT không thừa nhận, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời khai của người làm chứng Võ Thị Kim P cho rằng anhT không có đánh bị cáo trước mà do bị cáo chém anhT trước. Lời khai của người làm chứng Nguyễn VS mà bị cáo T cho rằng biết việc anhT đánh bị cáo trước, nhưng căn cứ vào lời khai của ông Sơ cũng không đủ cơ sở xác định anhT đánh bị cáo trước nên bị cáo mới chém lại.

[2] Bị cáo T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội. Bản thân bị cáo với bị hại không có mâu thuẩn, chỉ vì nghe nói anhT cự cải với mẹ nuôi của bị cáo (tên TE), bị cáo đã dùng con dao bằng kim loại có lưỡi sắc bén (loại dao yếm) là hung khí nguy hiểm cầm trên tay trái chạy đến chém một cái trúng vào khuỷu tay phải của anhT làm anhT bị thương tích, hành vi của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 69/TgT, ngày 08/3/2018 của Trung T Pháp y thuộc Sở Y tế Đồng Tháp, kết luận thương tích của Đỗ MinhT như sau: "*Sẹo vết thương phần mềm khuỷu tay phải gây gãy mõm khuỷu đầu dưới xương cánh tay phải đã kết hợp xương*. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đỗ MinhT do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: **09%** (Chín phần trăm). Tổn thương trên do vật có cạnh sắc bén gây ra".

Tại phiên tòa, bị hạiT vẫn yêu cầu xử lý hình sự hành vi của bị cáo theo quy định pháp luật.

Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo T đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

b) .....;

i) Có tính chất côn đồ; ....."

Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, thể hiện bản chất xem thường pháp luật, nên cần phải xử lý nghiêm để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tinh tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội mà mình gây ra, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình: Không có.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục

cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý thức phạm tội như bị cáo.

Đối với việc bị hạiT cho rằng hành vi gây thương tích của bị cáo T có liên quan đến bà TE (Tư Lùn) là không có cơ sở nên Viện kiểm sát không xem xét đến trách nhiệm hình sự đối với bà TE, do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[4] Về vật chứng của vụ án: Đối với con dao bằng kim loại có lưỡi sắc bén (loại dao yếm) mà bị cáo T sử dụng gây thương tích cho anhT, sau khi gây án xong bị cáo ném bỏ, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm được, nên Hội đồngxét xử không xem xét xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hạiT yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, gồm các khoản:

+ Tiền thuốc điều trị thương tích theo toa vé: 4.537.000 đồng;

+ Tiền thu nhập lao động thực tế bị mất: 6 tháng (180 ngày), mỗi ngày là 400.000 đồng = 72.000.000 đồng;

+ Tiền tổn thất về mặt tinh thần: 20.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản là 96.537.000 đồng và đồng ý trừ lại 2.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường, còn lại 94.537.000 đồng yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi cho bị hại các khoản với số tiền là 30.000.000 đồng và trừ đi 2.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường, số còn lại 28.000.000 đồng bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho bị hạiT.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người gây thương tích cho anhT nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại sức khỏe cho anhT theo quy định pháp luật. Về số tiền bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy mức yêu cầu bồi thường của anhT là quá cao, chưa phù hợp nên cần phải điều chỉnh lại mức bồi thường như sau:

+ Tiền thuốc điều trị thương tích theo toa vé: 4.537.000 đồng;

+ Tiền thu nhập lao động thực tế bị mất: 07 ngày nằm viện và thêm 30 ngày để phục hồi sức khỏe , tổng cộng là 37 ngày , mỗi ngày là 400.000 đồng = 14.800.000 đồng;

+ Tiền tổn thất về mặt tinh thần bằng 09 tháng lương cơ sở (1.390.000đồng/ tháng): 12.510.000 đồng.

Tổng cộng các khoản là 31.847.000 đồng , trừ đi số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường, số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hạiT là 29.847.000 đồng.

Đối với phần tiền 2.000.000 đồng mà anh D cho bị cáo trước đây để bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa anh D đồng ý cho bị cáo, không yêu cầu trả lại, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số tiền này.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội D luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: T Bùa) phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: T Bùa) 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn T bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại Đỗ MinhT số tiền là 29.847.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: T Bùa) phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.492.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 1.692.000 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/7/2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TX. HN;
- Cơ quan Điều tra Công an TX. HN;
- Cơ quan THA HS Công anTX. HN;
- Bị cáo Phạm Văn T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thống

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**